

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: **08/2020/KDTM-GĐT**

Ngày: 12-3-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Cường

Ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B);

Địa chỉ: 3x H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Q (Công ty Q);

Địa chỉ: 3X T, phường C, quận N, Thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971; địa chỉ: 8x/3c Trần Văn K, phường C, quận N, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

B và Công ty Q ký 04 hợp đồng tín dụng, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 0095/10/HĐ ngày 15/12/2010, vay 17.000.000.000 đồng, thời hạn 84 tháng, mục đích vay đầu tư kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng số 0002/11/HĐ ngày 03/03/2011, vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng số 0097/11/HĐ ngày 27/10/2011, vay 700.000.000 đồng, thời hạn 09 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động nuôi cá tra.

Hợp đồng tín dụng số 0146/2012/HĐ ngày 19/10/2012, vay 4.200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh và sửa chữa nâng cấp nhà hàng, khách sạn.

Để bảo đảm các khoản vay nêu trên, Công ty Q đã thế chấp các tài sản gồm: Thửa đất số 03, thửa số 278, tờ bản đồ số 10 và nhà trên đất tại số 7x đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Hợp đồng thế chấp số 0007/11/HĐ ngày 28/02/2011. Ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu H thế chấp các thửa đất số 638, 753, tờ bản đồ số 17; thửa 176, tờ bản đồ số 19, cùng tọa lạc tại Khu vực x, Phường x, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng thế chấp số 0062/2010/HĐ ngày 08/12/2010.

Do Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Q phải trả 21.510.000.000 đồng nợ gốc, tiền lãi 9.407.011.139 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2016) trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 22/9/2016 đến ngày 02/10/2016; tiền lãi tiếp tục tính theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Nếu Công ty Q không trả được nợ, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty Q thống nhất với trình bày của đại diện B về số tiền vay, tiền lãi, tài sản thế chấp. Đồng ý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 22/9/2016 đến ngày 02/10/2016 sẽ trả dứt nợ, nếu không trả đủ thì đồng ý để B phát mãi tài sản thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2016/QĐST-KDTM ngày 30/9/2016, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ quyết định:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn Công ty Q phải trả cho nguyên đơn B tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/9/2016 là 30.917.011.139 đồng (trong đó nợ gốc 21.510.000.000 đồng và lãi 9.407.011.139 đồng).

Thời gian và phương thức thanh toán: Thanh toán hết số nợ và lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán trong vòng 10 ngày, kể từ ngày 22/9/2016 đến hết ngày 02/10/2016. Lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán hết số nợ cho nguyên đơn.

Nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho nguyên đơn như đã thỏa thuận thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, hiệu lực của quyết định).

Ngày 15/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có Báo cáo số 12/BC-VKS-DS đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 36/2016/QĐST-KDTM ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vì cho rằng ông Đặng Xuân Q và bà

Nguyễn Bích L chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa 03, 278 cho Công ty Q trong khi các thửa đất này đã bị kê biên thi hành án là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tranh thực hiện nghĩa vụ số tiền 14.000.000.000 đồng đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Tại Quyết định số 253/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 15/11/2019 (*sau đây gọi là Kháng nghị 253*), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 36/2016/QĐST-KDTM ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy quyết định sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nghị đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các thửa đất số 03 và 278, tờ bản đồ số 10 cùng căn nhà gắn liền với đất tại địa chỉ 7X M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ có nguồn gốc của ông Đặng Xuân Q và bà Nguyễn Bích L. Ông Q, bà L thế chấp bảo đảm khoản vay cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ X tại B. Sau khi trả hết nợ, B đã giải chấp tài sản ngày 15/12/2010 cho ông Q, bà L. Ngày 16/12/2010 và ngày 22/01/2011, ông Q, bà L chuyển nhượng 02 thửa đất này cho Công ty Q. Sau khi được cập nhật sang tên quyền sử dụng đất, Công ty Q thế chấp cho B theo Hợp đồng thế chấp số 0007/11/HĐ ngày 28/02/2011. Do Công ty Q vi phạm hợp đồng tín dụng nên B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ giải quyết. Trên cơ sở thỏa thuận của B và Công ty Q, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2016/QĐST-KDTM ngày 30/9/2016 (*sau đây gọi là Quyết định 36*).

[2] Theo Báo cáo số 12/BC-VKS-DS ngày 15/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, vợ chồng ông Q nợ bà Nguyễn Thị Cẩm T 14.000.000.000 đồng. Bà T khởi kiện ông Q, bà L và được Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2010/DS-ST ngày 09/8/2010 (*sau đây gọi là Bản án 106*), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông Q, bà L kháng cáo Bản án 106 nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết phúc thẩm. Sau nhiều lần triệu tập ông Q, bà L không đến, ngày 28/02/2011, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đình chỉ xét xử phúc thẩm. Sau khi Bản án 106 có hiệu lực pháp luật, Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ ra quyết định cưỡng chế, kê biên đối với 02 thửa đất số 03, 278 để thi hành Bản án 106 vào ngày 08/7/2011.

[3] Ngày 15/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Quyết định 36 với lý do:

- Sau khi có Bản 106, ông Q, bà L chuyển nhượng thửa đất số 03 và 278 cho Công ty Q là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ phải thi hành án đối với bà Thu.

- Ngày 08/7/2011, Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ có quyết định cưỡng chế kê biên đối với các tài sản này để thi hành Bản án sơ thẩm số 106/2010/DS-ST ngày 09/8/2010 đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư L tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010.

- Quyết định 36 có nội dung B được phát mãi các thửa đất số 03, 278, trong khi hai thửa đất này đã bị kê biên để thi hành Bản án số 106 là ảnh hưởng tới lợi ích hợp pháp của bà T và không thể thi hành được.

[4] Xét thấy: Công ty Q nhận chuyển nhượng các thửa đất số 03, 278 từ ông Q, bà L và được cập nhật sang tên trước khi Bản án 106 có hiệu lực pháp luật. Sau đó, Công ty Q sử dụng tài sản này thế chấp cho B, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ chứng nhận giao dịch bảo đảm ngày 02/3/2011. Quyết định kê biên ngày 08/7/2011 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để thi hành Bản án 106 được ban hành sau thời điểm Công ty Q đứng tên chủ quyền và tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm cho khoản nợ tại B. Do đó, Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ kê biên tài sản của Công ty Q (đã thế chấp cho B) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Q, bà L đối với bà T là không đúng quy định của pháp luật, trái với khoản 1 Điều 6 của Thông tư L tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q cũng như B. Kháng nghị 253 cho rằng quyết định kê biên của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đúng quy định của pháp luật và Quyết định 36 có nội dung B được phát mãi các thửa đất đã bị kê biên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T và không thể thi hành được là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Mặt khác, vụ án tranh chấp giữa ông Q, bà L với bà T và vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa B và Công ty Q là khác nhau, hoàn toàn độc lập. Nghĩa vụ của ông Q, bà L đối với bà T là nghĩa vụ không có bảo đảm. Nghĩa vụ của Công ty Q đối với B được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng trình tự thủ tục. Do đó, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2016/QĐST-KDTM ngày 30/9/2016 ghi nhận B có quyền phát mãi các thửa đất số 03, 278 để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 337, Điều 343 và Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận Kháng nghị số 253/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 15/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 36/2016/QĐST-KDTM ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã có hiệu lực thi hành.

Quyết định giám đốc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- Vụ pháp chế và QLKH TANDTC;
- TAND TP.Cần Thơ;
- TAND quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Cục THADS TP.Cần Thơ;
- Chi cục THDSĐ quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hồng Phong